TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. RẠCH GIÁ **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: **36/**2017/HNGĐ-ST
Ngày: 09/6/2017
V/v "xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ – TỈNH KIÊN GIANG

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Thạch Sô Phép

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cao Trọng Mãnh

2. Bà Lê Thị Mỹ

Thư ký phiên tòa: Bà Danh Thị Sà Ron – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 09 tháng 6 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, xét xử sơ thẩm công khai vụ ánthụ lý số: 129/2017/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2017, về việc "xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2017/QĐXX-ST ngày 24 tháng 5 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị H, sinh năm: 1990 (có mặt)

ĐKTT: ấp L 2, xã Q, huyện T, Thành phố Cần Thơ.

Chổ ở hiện nay: Số nhà 200/3 đường Q, phường B, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Anh T, sinh năm: 1990 (có mặt)

ĐKTT: ấp L 2, xã Q, huyện T, Thành phố Cần Thơ.

Chổ ở hiện nay: Số nhà lô 13 căn 21 khu dân cư thu nhập thấp Q, phường Q, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 23/02/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị H trình bày: Tôi và anh T tự

nguyện quen biết nhau vào năm 2010, sau đó tiến tới hôn nhân và tổ chức lễ cưới vào tháng 3/2011, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật và được Ủy ban nhân dân xã Thạnh Quới, huyện Vĩnh Thạnh, Thành phố Cần Thơ cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 23/7/2011. Sau khi cưới vợ chồng sống với gia đình anh T tại lô 13 căn 21khu dân cư thu nhập thấp Q, phường Q, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

Nguyên nhân xin ly hôn: Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến tháng 8/2016 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T chơi bời không lo cho vợ con, quen biết người phụ nữ khác bên ngoài, vợ chồng thường xuyên cự cải với nhau lời qua tiếng lại là anh T đánh chị H, chị H đã khuyên can, tha thứ cho anh T nhiều lần nhưng anh T vẫn không sửa đổi, từ đó mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, chị H đã về nhà mẹ ruột sống và vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ tháng 8/2016. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị H làm đơn xin ly hôn với anh T. Nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn thì chị H yêu cầu giải quyết về con chung và tài sản chung như sau:

- Về con chung: Chị H xác định có 01 người con chung tên H2, sinh ngày 12/02/2012, hiện con đang sống với chị H. Chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai ngày 24/5/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn anh T trình bày: Anh T thống nhất lời trình bày của chị H về quan hệ hôn nhân, nguyên nhân xin ly hôn. Ngoài ra, anh còn trình bày từ ngày vợ chồng sống ly thân từ tháng 8/2016 đến nay anh không có điện thoại hay liên hệ qua lại với chị H. Tuy nhiên, anh Tư xét thấy vẫn còn thương chị H nên anh yêu cầu được đoàn tụ, không đồng ý ly hôn. Nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H thì anh Tư yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung và tài sản chung như sau:

- Về con chung: Anh T xác định có 01 người con chung tên H2, sinh ngày 12/02/2012, từ ngày vợ chồng sống ly thân đến nay con đang sống với chị H. Anh T yêu cầu được nuôi dưỡng con, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị H khởi kiện yêu cầu "xin ly hôn" với anh T. Do đó đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo khoản 1 Điều 28 và khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh T kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới vào tháng 3/2011, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Thạnh Quới, huyện Vĩnh Thạnh, Thành phố Cần Thơ cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 23/7/2011. Chị H và anh Tư có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật về Luật Hôn nhân và gia đình nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị H đối với anh T, Hội đồng xét xử nhận thấy: Quá trình chung sống chị H và anh T đều thừa nhận do anh T không lo cho gia đình, quen biết người phụ nữ khác bên ngoài, vợ chồng thường xuyên cự cải lời qua tiếng lại là anh T đánh chị H, chị H đã khuyên can, tha thứ cho anh T nhiều lần nhưng anh T vẫn không sửa đổi và vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ tháng 8/2016. Hơn nữa, từ thời điểm sống ly thân đến nay chị H và anh T đều không có liên hệ qua lại với nhau, mỗi người sống một nơi. Từ đó cho thấy quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T đã đến mức độ trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của chị H đối với anh T là hoàn toàn có căn cứ phù hợp với khoản 1 Điều 89 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Từ những cơ sở nhận định trên, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H đối với anh T.

Xét yêu cầu của anh T xin được hàn gắn đoàn tụ, vì anh T còn thương chị H. Hội đồng xét xử xét thấy từ khi chị H và anh T sống ly thân cho đến nay bản thân anh T không có đến thăm con và chị H, từ đó cho thấy anh T không còn thương yêu, quan tâm đến chị H và tại phiên tòa chị H cương quyết yêu cầu xin được ly hôn với anh T. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của anh T.

[3] Về con chung: Chị H và anh T xác định có 01 người con chung tên H2, sinh ngày 12/02/2012, hiện con đang sống với chị H. Chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con vì con còn nhỏ cần có sự chăm sóc của người mẹ nên chị chăm sóc con tốt hơn anh T và chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Phía anh T không đồng ý giao con cho chị H nuôi dưỡng, anh yêu cầu được nuôi dưỡng con, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Xét yêu cầu xin nuôi dưỡng con của chị H là có căn cứ chấp nhận. Bởi lẽ, từ khi chị H và anh T sống ly thân, cháu H2 sống với chị H vẫn tốt, chị vẫn chăm sóc con chu đáo, đảm bảo sự phát triển bình thường cho con, tại khoản 2 Điều 92 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 quy định "Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, quyền và nghĩa vụ của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; nếu không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con…". Hơn nửa, Hội đồng xét xử xét thấy cháu H2, hiện còn rất nhỏ và giới tính nữ cần phải được sự chăm sóc, nuôi dưỡng của người mẹ.

Xét khai nại của anh T yêu cầu được nuôi dưỡng con, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử xét thấy từ khi chị H và anh T ly thân đến nay, anh T không hề quan tâm đến con, bỏ mặc cho chị H một mình nuôi dưỡng con, nếu giao con cho anh T nuôi dưỡng sẽ không đảm bảo được quyền lợi về mọi mặt của con, đặc biệt là các điều kiện cho sự phát triển về thể chất, bảo đảm việc học hành và các điều kiện cho sự phát triển tốt về tinh thần. Như vậy việc anh T yêu cầu nuôi dưỡng con là không có cơ sở chấp nhận.

Từ những cơ sở nhận định trên, Hội đồng xét xử thống nhất giao cho chị H được quyền chăm sóc và nuôi dưỡng cháu H2, sinh ngày 12/02/2012.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị H và anh Tư xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị H là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng khoản 1 Điều 89, Điều 91, Điều 92, Điều 94 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội.

Xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H được ly hôn với anh T.

2/ Về con chung: Giao người con chung tên H2, sinh ngày 12/02/2012 cho chị H được quyền chăm sóc và nuôi dưỡng, chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này.

3/ Về tài sản chung và nợ chung: Chị H và anh T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết (nên miễn xét).

4/ Về án phí: Buộc chị H phải nộp án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, chị H được khấu trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003494 ngày 13/4/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, Kiên Giang.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

THẠCH SÔ PHÉP

* **Nơi nhận:**
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND TP. Rạch Giá;
- Chi cục THA dân sự TP. Rạch Giá;
- Các đương sự;
- Lưu